| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN V**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 08/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 03-4-2020
"V/v anh T xin ly hôn với chị H"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Vũ Văn Quân.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1. Ông Trần Xuân Thủy.
2. Bà Lê Thị Hường.

***- Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2019/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Anh Đỗ Sỹ T, sinh năm 1976.
Nơi ĐKHKTT và cư trú tại: Xóm 4, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.

*2. Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981.
Nơi ĐKHKTT: Xóm 4, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.
Nơi tạm trú: Đội 2, thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định.
(Có mặt anh T; vắng mặt chị H nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 23-12-2019; bản tự khai ngày 30-12-2019, nguyên đơn anh Đỗ Sỹ T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu anh và chị Nguyễn Thị H đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 02-12-2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn anh và chị H chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 15 năm và đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ, chồng tính tình

không hợp nhau và bất đồng quan điểm nên vợ, chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau; ngoài ra còn do chị H đi theo trai rồi không quan tâm đến gia đình, con cái, đi sớm về khuya vv...Anh đã nhiều lần khuyên bảo và cho chị H cơ hội sửa đổi để vợ, chồng về chung sống với nhau ổn định làm ăn nuôi dạy con cái nhưng chị H vẫn chứng nào tật đấy, không chịu sửa đổi gì. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ấy ở thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống từ năm 2015 và bỏ mặc không quan tâm gì đến hạnh phúc gia đình. Nên giữa anh và chị H đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau từ đó cho đến nay. Năm 2016 chị H đã làm đơn xin ly hôn với anh, Tòa án nhân dân huyện V đã thụ lý vụ án nhưng sau đó không hiểu vì lý do gì mà chị H lại rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Nhưng sau khi rút đơn khởi kiện thì chị H cũng không quay về chung sống cùng với anh mà chị H vẫn tiếp tục sinh sống ở nhà mẹ đẻ nên vợ, chồng mỗi người ở một nơi và không có liên lạc gì với nhau và cũng không quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa. Anh T xác định anh không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với chị H và thời gian vợ, chồng sống ly thân với nhau đã lâu; mâu thuẫn của vợ, chồng thì đã kéo dài và rất trầm trọng nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được nên anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị H.

Về con chung: Anh và chị H có 02 con chung là các cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 12-11-2001 và Đỗ Sỹ T, sinh ngày 16-01-2007. Ly hôn, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh. Còn về cháu T thì cháu đã trưởng thành, lao động tự lập được rồi nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị H không có và anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại các phiên họp, phiên hòa giải và tại phiên tòa anh Đỗ Sỹ T trình bày: Về quan hệ hôn nhân và về con chung đúng như anh T đã trình bày nêu ở trên; về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan thì anh và chị H tự thỏa thuận giải quyết với nhau, anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 14-02-2020; bản tự khai, biên bản phiên họp phiên hòa giải và đơn đề nghị ngày 19-02-2020, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 02-12-2000, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau kết hôn chị và anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 15 năm và đến năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do vợ, chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm; ngoài ra còn do anh T thường xuyên uống rượu say và chơi bời gái gú rồi về nhà đánh đập vợ, con và anh T còn bắt chị phải đưa tiền để tiêu xài cá nhân, nếu chị không đưa thì anh T đuổi chị ra khỏi nhà nên vợ, chồng thường xuyên xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của vợ, chồng xảy ra đỉnh

điểm nhất là vào tháng 6-2016, khi chị đi làm về đến gần nhà thì bị anh T đón đường, ép xe chị bắt chị dừng xe lại rồi đánh đập chị và lấy xe của chị đem đi giấu. Khi mọi người trong làng khuyên can và đưa chị về nhà nằm nghỉ cho đến khoảng 12 giờ đêm thì chị mới tỉnh lại. Khi chị vừa tỉnh lại thì cũng là lúc anh T vừa đi uống rượu về và anh T lại tiếp tục dùng ống tuýp sắt đánh chị đến ngất đi. Vì sợ hãi và nếu cứ tiếp tục ở lại nhà thì chị sẽ bị anh T đánh đến chết cho nên ngay sáng hôm sau chị đã buộc phải đưa 02 con bỏ về nhà mẹ đẻ của chị ở đội 2, thôn D, xã T để sinh sống. Do đó giữa chị và anh T đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau từ tháng 6-2016 cho đến nay. Ngay sau khi bỏ về nhà mẹ đẻ để sinh sống thì chị đã xác định không thể tiếp tục chung sống cùng với anh T được nữa nên chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T và Tòa án nhân dân huyện V đã thụ lý vụ án. Nhưng do trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không đến Tòa án làm việc lần nào và do con gái chị khóc lóc, không muốn bố, mẹ ly hôn với nhau nên khi Tòa án chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử thì chị đã rút đơn khởi kiện về và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Tuy nhiên sau khi Tòa án đình chỉ vụ án thì chị cũng không dám quay về chung sống cùng với anh T, vì sợ anh T lại tiếp tục đánh đập nên nếu như chị có quay về thì vợ, chồng cũng không thể chung sống cùng với nhau được, vì chị không có bất cứ biện pháp gì để cho anh T không đánh đập chị nữa. Nhưng nay anh T xin ly hôn với chị thì chị nhất quyết không đồng ý ly hôn với anh T, vì lý do mấy năm nay vợ, chồng sống ly thân, mỗi người một nơi, anh T đã đi quan hệ hết với người này đến người khác thì chị cũng không đánh ghen, không chửi bới ầm ĩ gì, anh T muốn làm gì cũng được, anh T cứ đi lấy vợ khác chị cũng đồng ý, không có ý kiến gì. Chị cảm thấy vợ, chồng cứ sống mỗi người một nơi là không có đánh cãi chửi nhau lại là tốt và cuộc sống của mẹ con chị được yên ổn, các con của chị vẫn có đầy đủ cả bố lẫn mẹ. Chị xác định mục đích kéo dài hôn nhân của vợ, chồng chỉ là vì con cái, chị muốn các con có đầy đủ cả bố lẫn mẹ, khi nào các cháu trưởng thành lập gia đình xong thì chị sẽ tính sau. Mặc dù không đồng ý ly hôn với anh T nhưng chị cũng không có cách gì để mà hàn gắn tình cảm của vợ, chồng. Nếu như anh T không đánh đập chị nữa thì có thể chị sẽ quay về chung sống cùng với anh T, nhưng chị không có cách gì để đảm bảo là khi quay về chung sống cùng với anh T thì anh T sẽ không đánh đập chị nữa chính vì thế mà vợ, chồng cứ tiếp tục sống ly thân với nhau như thời gian đã qua là cách tốt nhất.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung là các cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 12-11-2001 và Đỗ Sỹ T, sinh ngày 16-01-2007. Vì lý do cháu T có nguyện vọng ở cùng với anh T nên chị đồng ý để anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Anh T không yêu cầu chị phải cấp dưỡng nuôi con chung thì chị cũng đồng ý, không có ý kiến gì. Còn về cháu T thì hiện nay cháu đã trưởng thành và lao động tự lập được rồi nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T có tài sản chung là 01 ngôi nhà mái bằng, diện tích khoảng 59 m2 ở xóm 4, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định nhưng chị muốn để lại cho cháu T và trước mắt anh T cứ tiếp tục ở tại ngôi nhà đó rồi sau này thì

cho cháu T. Do đó chị và anh T sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau, chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì lý do công việc làm của chị rất bận, chị không thể xin Công ty cho nghỉ để đến Tòa án làm việc các lần tiếp theo được nên chị đề nghị Tòa án cho phép chị được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tiếp theo cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và chị đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt của chị.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-02-2020, cháu Đỗ Sỹ T trình bày: Nếu bố, mẹ cháu ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với bố cháu. Nguyện vọng của cháu muốn được trực tiếp ở cùng với bố cháu là do cháu hoàn toàn tự nguyện, không bị ai xúi giục, ép buộc gì cháu.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 24-02-2020, đại diện Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 02-12-2000 và đã được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Về mâu thuẫn vợ, chồng giữa anh T và chị H chủ yếu là do anh T và chị H tính trình không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm; ngoài ra còn do anh T nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người đàn ông khác và anh T hay uống rượu say rồi chửi bới vợ, con nên trong anh T và chị H thường hay xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau và mâu thuẫn thì ngày càng trầm T hơn. Khoảng tháng 6-2016, chị H đã bỏ anh T đi về nhà mẹ đẻ của mình ở thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống và sau đó chị H đã làm đơn xin ly hôn với anh T. Thời điểm đó Tòa án nhân dân huyện V đã thụ lý vụ án nhưng sau đó chị H lại rút đơn khởi kiện và Tòa án đã đình chỉ vụ án. Tuy nhiên, sau khi rút đơn khởi kiện chị H cũng không quay về chung sống cùng với anh T mà chị H vẫn sinh sống ở nhà mẹ đẻ của mình. Nên giữa anh T và chị H đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ, chồng với nhau suốt từ tháng 6-2016 cho đến nay. Do anh T và chị H sống ly thân với nhau đã lâu và mâu thuẫn của vợ, chồng đã trầm T nên khả năng đoàn tụ với nhau rất là khó. Vì vậy nay anh T xin ly hôn với chị H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là các cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 12-11-2001 và Đỗ Sỹ T, sinh ngày 16-01-2007. Hiện cháu T thì đang ở cùng với chị H và cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được rồi, còn cháu T thì đang ở cùng với anh T và cháu còn đang đi học.

Về điều kiện nuôi con: Hiện tại cả anh T và chị H đều khỏe mạnh và đều có công việc làm ổn định nên cả anh T và chị H đều có đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Nhưng điều kiện nuôi con của anh T có phần nào tốt hơn so với điều kiện của chị H, vì anh T đang có nhà ở ổn định còn chị H thì phải ở nhờ nhà của mẹ đẻ.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh T và chị H có tài sản chung là 01 ngôi nhà mái bằng, diện tích khoảng 60m2 ở xóm 4, xã T và không thấy có nợ tập thể hay cá nhân nào khoản nợ gì.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, của Hội đồng xét xử tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Sỹ T, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Đỗ Sỹ T và chị Nguyễn Thị H.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Sỹ T, sinh ngày 16-01-2007 cho anh Đỗ Sỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh T.

- Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Đỗ Sỹ T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt chị Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án, nhưng chị H đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị H.

[2]. Về quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh Đỗ Sỹ T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 02-12-2000 và đã được Uỷ ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh T và chị H đã thỏa mãn đầy đủ những quy định về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Về tình trạng của hôn nhân: Xét thấy sau khi anh T và chị H kết hôn với nhau vợ, chồng đã có khoảng thời gian chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng 15 năm, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh T và chị H tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm dẫn đến trong cuộc sống anh T và chị H thường xuyên xảy ra xô xát

đánh cãi chửi nhau và vợ, chồng chung sống với nhau không có tình cảm, không được hạnh phúc và mâu thuẫn thì ngày càng trầm trọng hơn. Do đó tháng 6-2016 chị H đã phải đưa 02 con chung của vợ, chồng bỏ về nhà mẹ đẻ của mình ở thôn D, xã T, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống rồi ngay sau đó chị H đã có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T và Tòa án nhân dân huyện V đã thụ lý, giải quyết vụ án nhưng trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên sau khi rút đơn khởi kiện chị H cũng không quay về chung sống cùng với anh T mà chị vẫn sinh sống tại nhà mẹ đẻ của mình. Nên anh T và chị H đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng với nhau suốt từ tháng 6-2016 cho đến nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng của anh T và chị H đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 20, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét hôn nhân của anh T và chị H nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng và trên thực tế thì anh T và chị H cũng đã sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng với nhau từ nhiều năm nay. Nay anh T xin ly hôn với chị H, nhưng phía chị H lại không đồng ý ly hôn. Mặc dù là không đồng ý ly hôn nhưng thấy chị H lại không có nguyện vọng vợ, chồng đoàn tụ mà chị vẫn muốn giữ nguyên việc vợ, chồng sống ly thân với nhau như trong thời gian mấy năm qua và trong suốt quá trình giải quyết vụ án thì chị H cũng không có bất cứ biện pháp hay hành động gì để hàn gắn tình cảm vợ, chồng điều đó chứng tỏ tình cảm vợ, chồng giữa anh T và chị H nay không còn với nhau nên đời sống chung của vợ, chồng không thể kéo dài được nữa. Do đó việc anh T xin ly hôn với chị H là có căn cứ và phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực trạng hôn nhân hiện nay của anh T và chị H. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và xử ly hôn giữa anh T và chị H.

[4]. Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là các cháu Đỗ Thị T, sinh ngày 12-11-2001 và Đỗ Sỹ T, sinh ngày 16-01-2007. Xét thấy hiện nay cháu T đang ở cùng với chị H và cháu đã trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được rồi nên không cần phải xem xét, giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu T; còn về cháu T thì đang ở cùng với anh T và cháu chưa thành niên nên phải xem xét, giải quyết về người trực tiếp nuôi dưỡng đối với cháu T và thấy điều kiện nuôi con hiện nay của anh T tốt hơn so với điều kiện nuôi con của chị H và nguyện vọng của cháu T cũng muốn được trực tiếp ở cùng với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu T cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Xét thấy anh T và chị H đều không có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Nếu sau này các đương sự có yêu cầu thì sẽ được xem xét, giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[6]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử ly hôn giữa anh Đỗ Sỹ T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Sỹ T, sinh ngày 16-01-2007 cho anh Đỗ Sỹ T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi cháu T trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi anh T và chị H có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật (Hiện cháu T đang trực tiếp ở cùng với anh T).

Chị Nguyễn Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đỗ Sỹ T.

Chị Nguyễn Thị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Đỗ Sỹ T.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Đỗ Sỹ T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0001893 ngày 30-12-2019 của Chi cục Thi Hnh án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Sỹ T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi Hnh theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận***:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**